

UBND XÃ THUẬN HẠNH  
TRƯỜNG MÃM NON HOA BAN

Số: 36 /TB-HB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thuận Hà, ngày 13 tháng 01 năm 2026

**THÔNG BÁO NIÊM YẾT CÔNG KHAI  
GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025

Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Thuận Hạnh về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026;

*(Biểu mẫu kèm theo)*

Thời gian niêm yết: 30 ngày làm việc, từ ngày 13/01/2026 đến ngày 23/02/2026

Trong thời gian niêm yết, đề nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên theo dõi nếu có ý kiến phản ánh, kiến nghị đề nghị gửi bằng văn bản về trường mầm non Hoa Ban để xem xét giải quyết theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Trưởng các ban ngành của trường;
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Đoàn Thị Ái**

### TRÍCH BIÊN BẢN HỌP CƠ QUAN

Hôm nay, vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 13/01/2026. Tại trường mầm non Hoa Ban xã Thuận Hạnh tỉnh Lâm Đồng chúng tôi gồm có:

#### I. Thành phần tham dự:

- Đ/c: Đoàn Thị Ái - Hiệu trưởng - chủ trì
- Đ/c: Nguyễn Thị My - Thư ký
- Tham dự: 30/30 đ/c

#### II. Nội dung cuộc họp:

- Đồng chí: Đoàn Thị Ái thông qua Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 và công khai tài chính theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2026 theo hướng dẫn của Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Yêu cầu các đồng chí trong cơ quan thực hiện nghiêm túc và đúng quy định đề ra  
Cuộc họp kết thúc vào lúc 16 giờ 30 phút cùng ngày, biên bản được đọc cho mọi người cùng nghe và thống nhất với tỉ lệ 100%.

CHỦ TRÌ



Đoàn Thị Ái

THƯ KÝ

Nguyễn Thị My

Số: 35/QĐ-HB

Thuận Hạnh, ngày 13 tháng 01 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Công khai giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HOA BAN

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025

Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Thuận Hạnh về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026;

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công khai dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026 của trường mầm non Hoa Ban, xã Thuận Hạnh tỉnh Lâm Đồng (thông báo kèm theo).

**Điều 2.** Thông báo công khai được niêm yết tại trụ sở làm việc của đơn vị kể từ ngày 13 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 23 tháng 02 năm 2026 và thông báo rộng rãi cho cán bộ công chức trong đơn vị.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ phận kế toán và cán bộ công chức thuộc đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng KT-XH (B/c);
- Lưu VT.

### HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Thị Ái

Đơn vị: Trường mầm non Hoa Ban

Chương: 822

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo quyết định số: 941/QĐ- UBND ngày 30/12/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Song)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

| Số TT      | Nội dung   | Dự toán được giao    |
|------------|--|----------------------|
| 1          | 2  | 3                    |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> | -                    |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          |                      |
| 1          | Lệ phí   |                      |
|            | Lệ phí...  |                      |
|            | Lệ phí...  |                      |
| 2          | Phí  |                      |
|            | Phí thu từ nguồn thu học phí                       |                      |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            |                      |
| <b>I</b>   | <b>Chi sự nghiệp.....</b>                          |                      |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                      |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                      |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                      |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                      |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                      |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       |                      |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                      |                      |
|            | Lệ phí...  |                      |
|            | Lệ phí...  |                      |
| <b>2</b>   | <b>Phí</b>   |                      |
|            | Phí ...  |                      |
|            | Phí ...  |                      |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | <b>8.141.368.000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  |                      |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                      |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                      |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                      |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>         |                      |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ     |                      |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia         |                      |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ               |                      |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở            |                      |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng      |                      |
| 2.3        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                      |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b> | <b>8.141.368.000</b> |
| 3.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     | 7.604.028.000        |
| 3.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               | 537.340.000          |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>      |                      |
| 4.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                      |
| 4.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                      |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                          |                      |



|            | Nội dung  | Dự toán được giao |
|------------|---|-------------------|
| 5.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 5.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |                   |
| 6.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 6.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |                   |
| 7.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 7.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |                   |
| 8.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 8.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |                   |
| 9.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 9.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |                   |
| 10.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 10.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>II</b>  | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                               |                   |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |                   |
| 1.1        | Dự án A   |                   |
| 1.2        | Dự án B   |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |                   |
| 2.1        | Dự án A   |                   |
| 2.2        | Dự án B   |                   |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |                   |
| 3.1        | Dự án A   |                   |
| 3.2        | Dự án B   |                   |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |                   |
| 4.1        | Dự án A   |                   |
| 4.2        | Dự án B   |                   |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |                   |
| 5.1        | Dự án A   |                   |
| 5.2        | Dự án B   |                   |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |                   |
| 6.1        | Dự án A   |                   |
| 6.2        | Dự án B   |                   |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |                   |
| 7.1        | Dự án A   |                   |
| 7.2        | Dự án B   |                   |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |                   |
| 8.1        | Dự án A   |                   |
| 8.2        | Dự án B   |                   |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |                   |
| 9.1        | Dự án A   |                   |
| 9.2        | Dự án B   |                   |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |                   |
| 10.1       | Dự án A   |                   |
| 10.2       | Dự án B   |                   |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                          |                   |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |                   |

HAI  
CNG  
NON  
3AN  
5NO

|           | Nội dung  | Dự toán được giao |
|-----------|---|-------------------|
| 1.1       | Dự án A   |                   |
| 1.2       | Dự án B   |                   |
| <b>2</b>  | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |                   |
| 2.1       | Dự án A   |                   |
| 2.2       | Dự án B   |                   |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |                   |
| 3.1       | Dự án A   |                   |
| 3.2       | Dự án B   |                   |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |                   |
| 4.1       | Dự án A   |                   |
| 4.2       | Dự án B   |                   |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |                   |
| 5.1       | Dự án A   |                   |
| 2.2       | Dự án B   |                   |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |                   |
| 6.1       | Dự án A   |                   |
| 6.2       | Dự án B   |                   |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |                   |
| 7.1       | Dự án A   |                   |
| 7.2       | Dự án B   |                   |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |                   |
| 8.1       | Dự án A   |                   |
| 8.2       | Dự án B   |                   |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |                   |
| 9.1       | Dự án A   |                   |
| 9.2       | Dự án B   |                   |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |                   |
| 10.1      | Dự án A   |                   |
| 10.2      | Dự án B   |                   |

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ THUẬN HẠNH  
Số: 971 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Thuận Hạnh, ngày 30 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THUẬN HẠNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;  
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước, ngày 25/6/2025;  
Căn cứ Quyết định số 2539/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Thuận Hạnh về việc thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách xã; phân bổ dự toán ngân sách xã năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 458/TTr-KT, ngày 30/12/2025 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn xã:

1. Tổng thu NSNN trên địa bàn là 55.080 triệu đồng, chi tiết theo biểu mẫu số 16 kèm theo.
2. Tổng thu ngân sách xã là 157.806 triệu đồng, chi tiết theo biểu mẫu số 15 kèm theo.
3. Tổng chi ngân sách xã là 157.806 triệu đồng, chi tiết theo biểu mẫu số 17 kèm theo.
4. Phân bổ ngân sách xã chi tiết kèm theo biểu mẫu, cụ thể như sau:

|                           |                     |
|---------------------------|---------------------|
| + Chi đầu tư phát triển:  | 8.806 triệu đồng;   |
| + Chi thường xuyên:       | 146.290 triệu đồng; |
| + Chi dự phòng ngân sách: | 2.710 triệu đồng.   |

**Điều 2.** Trong quá trình triển khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 được giao, Ủy ban nhân dân xã yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã thực hiện các nhiệm vụ như sau:

1. Các cơ quan, đơn vị thực hiện dự toán ngân sách nhà nước bảo đảm công khai, minh bạch, chặt chẽ, tiết kiệm, trong phạm vi dự toán được giao; chống thất



thoát, lãng phí; thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính – ngân sách nhà nước theo quy định.

2. Bổ trí chi thường xuyên đảm bảo các chế độ, chính sách cho con người, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quan trọng được giao. Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản các khoản chi thường xuyên; giảm mạnh kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết; bổ trí kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị đảm bảo chặt chẽ, đúng tiêu chuẩn, định mức theo chế độ quy định; không bổ trí dự toán chi cho các nhiệm vụ, chính sách chưa được cấp có thẩm quyền ban hành.

3. Tiếp tục thực hiện các quy định hiện hành về chính sách tạo nguồn để cải cách tiền lương trong năm 2026.

4. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện dự toán được giao.

5. Trong quá trình sử dụng dự toán được giao các cơ quan, đơn vị tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên (ngoài phần tiết kiệm 10% để tạo nguồn cải cách tiền lương) để bổ sung nguồn an sinh xã hội.

6. Trong điều hành ngân sách năm 2026, trường hợp nguồn thu cân đối ngân sách địa phương giảm lớn so với dự toán được giao thì UBND xã sẽ rà soát, sắp xếp, cắt giảm các nhiệm vụ chi để đảm bảo cân đối theo dự toán được giao.

### **Điều 3. Triển khai thực hiện.**

1. Trường phòng Kinh tế xã chịu trách nhiệm.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 theo đúng chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

- Tham mưu, đề xuất phân bổ chi tiết kinh phí sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định và một số chương trình mục tiêu khác.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương trong năm 2026 theo quy định.

2. Trưởng Thuế cơ sở 12, Tỉnh Lâm Đồng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chi tiêu thu, nộp ngân sách đúng Luật Thuế và các quy định hiện hành; hướng dẫn để tạo điều kiện và khuyến khích các doanh nghiệp có trụ sở ở địa phương khác nhưng phát sinh hoạt động sản xuất - kinh doanh trên địa bàn xã thực hiện kê khai và nộp thuế cho ngân sách xã; tập trung xử lý, thu hồi nợ đọng thuế; duy trì và tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo chống thất thu, thu hồi nợ đọng thuế tại địa phương.

3. Kho bạc Nhà nước khu vực XVII - Phòng Giao dịch số 7 hướng dẫn, triển khai ủy nhiệm thu thuế giá trị gia tăng của các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn khi thực hiện thanh toán vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND&UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế xã; Trưởng Thuế cơ sở 12, tỉnh Lâm Đồng; Kho bạc Nhà nước khu vực XVII - Phòng Giao dịch số 7; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4 (t/h);
- Sở Tài chính (thay b/c);
- TT. Đảng ủy xã (thay b/c);
- TT. HĐND xã (thay b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Các đơn vị thụ hưởng ngân sách;
- Lưu VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Lê Hồng Đô



